

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 7 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Pháy và bà Hoàng Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- HNGĐ ngày 08/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, bản tự khai ngày 08/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn, chị khuyên ngăn thì anh lại đánh chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ đầu năm 2017, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T tại biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2021 anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh hay đi uống rượu, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên cũng tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng vợ chồng anh không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng anh đã tự sống ly thân từ năm 2017 và chị N không còn quan tâm thăm hỏi anh. Nay chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có một con chung cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/5/2009, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, cháu đang ở cùng anh T. Theo chị N do chị đi làm thuê nên chị để cháu Nguyễn Hoài N ở với anh T, tuy nhiên anh T lười lao động, suốt ngày say sưa, không quan tâm chăm sóc đến cháu, nên chị là người chăm lo cho cháu ăn mặc học hành và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn, nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo dựng được một nhà xây cấp IV diện tích 100m², làm nhờ trên đất của bố mẹ đẻ anh T, trị giá tài sản không lớn. Khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 08/4/2021 cháu Nguyễn Hoài N có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn vợ chồng, về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của bản thân, song bị đơn vẫn không cung cấp.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh T vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được đi lại thăm nom con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Văn T (địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị Nguyễn Thị N đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T. Đối với anh Nguyễn Văn T anh cũng thừa nhận anh chị có mâu thuẫn do anh hay đi uống rượu, vợ chồng cãi nhau, nên chị N tự sống ly thân với anh từ đầu năm 2017, khi sống ly thân chị không quan tâm đến anh. Nay chị N xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì theo anh tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vẫn có thể khắc phục được. Tuy nhiên anh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và anh cũng vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Căn

cứ vào các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/5/2009 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh Nguyễn Văn T không nhất trí ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù cháu Nguyễn Hoài N đang ở cùng anh Nguyễn Văn T, nhưng chị N vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc, lo cho cháu được ăn học đầy đủ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh mức thu nhập bình quân của chị hiện nay là 4.000.000 đồng/tháng, anh Thanh không cung cấp chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn Hoài N và nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Hoài N cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có tạo dựng được một nhà xây cấp IV diện tích 100m², làm nhờ trên đất của bố mẹ đẻ anh Thanh, trị giá nhà không lớn. Khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002509 ngày 08/4/2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND TT T;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

